

UBND TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)

Mã ngành, nghề: 6480202

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2,5 năm.

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Chương trình Cao đẳng Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) trang bị và tạo điều kiện thuận lợi cho Người học những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin và tiếp cận với các công nghệ mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

- Người học tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo vào thực tế công tác; có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và học liên thông lên Đại học cùng nhóm ngành.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Đọc hiểu các tài liệu chuyên môn cần thiết bằng tiếng Anh;
- + Mô tả hiện trạng hệ thống thông tin quản lý của một số loại hình doanh nghiệp;
- + Đánh giá ưu nhược điểm về thực trạng ứng dụng phần mềm của doanh nghiệp;
- + Đề xuất những giải pháp ứng dụng phần mềm cụ thể để mang lại hiệu quả cao trong hoạt động doanh nghiệp;
- + Biết hoạch định và lập kế hoạch triển khai ứng dụng phần mềm;
- + Xây dựng các sản phẩm phần mềm ứng dụng hỗ trợ các hoạt động của một số loại hình doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Chỉ huy nhóm kỹ thuật viên tin học;

- + Kiểm tra và giám sát việc thực hiện công việc của người có trình độ trung cấp nghề;
- + Đọc hiểu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh;
- + Sử dụng thành thạo máy tính trong công việc văn phòng;
- + Phối hợp với các chuyên gia phần mềm để khảo sát, thiết kế hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động doanh nghiệp;
- + Tham gia quản lý dự án phát triển phần mềm cho doanh nghiệp;
- + Xử lý các sự cố khi vận hành các phần mềm ứng dụng;
- + Vận hành quy trình an toàn - bảo mật dữ liệu trong hệ thống, sao lưu - phục hồi dữ liệu;
- + Thiết kế và quản trị website phục vụ quảng bá, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- + Thiết kế, chỉnh sửa ảnh và các chương trình đa phương tiện phục vụ hoạt động doanh nghiệp;
- + Lập kế hoạch kiểm tra - bảo trì - nâng cấp các phần mềm trong hệ thống một cách độc lập.
- + Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học vào công tác quản lý và văn phòng, có khả năng tiếp cận, giải quyết các vấn đề thực tế trong công tác trên máy vi tính.
- + Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.
- + Xây dựng được hoàn chỉnh được một phần mềm quản lý.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp Người học sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

- + Chuyên viên tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng;
- + Chuyên viên thiết kế phần mềm ứng dụng;
- + Chuyên viên quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu;
- + Chuyên viên bảo trì hệ thống máy tính;
- + Chuyên viên thiết kế và quản trị website;
- + Chuyên viên thiết kế đa phương tiện.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học toàn khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: **37**
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **102** Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **1935** giờ
- Khối lượng lý thuyết: **607** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1668** giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Lý thuyết	Trong đó	
					Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19				
DT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
DT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
DT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
DT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
DT6005	Tin học	3	75	15	58	2
DT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	18	435	135	282	18
TH6101	Toán ứng dụng trong tin học	2	45	15	28	2
TH6102	Tin học văn phòng	3	75	15	57	3
TH6103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	30	42	3
TH69903	Lập trình căn bản	3	75	15	57	3
TH6105	Cơ sở dữ liệu	3	75	30	42	3
TH69906	Mạng máy tính	2	45	15	28	2
TH6107	Lập trình hướng đối tượng	2	45	15	28	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	58	1515	300	1160	55
TH6108	Anh văn chuyên ngành	2	45	30	13	2
TH69902	Khai thác Internet	2	45	15	28	2
TH6110	Quản trị cơ sở dữ liệu với MS Access	3	75	15	57	3
TH6111	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL Server	3	75	15	57	3
TH6112	Hệ điều hành Windows Server	3	75	15	57	3
TH69905	Lập trình Windows	3	75	15	57	3
TH6114	Xử lý ảnh với Photoshop	3	75	15	57	3
TH6115	Lập trình JavaZZ	3	75	15	57	3
TH69904	Lập trình cơ sở dữ liệu với C#	3	75	15	57	3
TH69908	Thiết kế đồ họa với Corel Draw	2	45	15	28	2
TH69909	Thiết kế và quản trị Website	3	75	15	57	3
TH6119	Lắp ráp, cài đặt và bảo trì máy tính	3	75	15	57	3

TH69901	Hệ điều hành mã nguồn mở	2	45	15	28	2
TH6121	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	45	15	28	2
TH6122	Lập trình Web với ASP.NET	3	75	15	57	3
TH6123	Lập trình ứng dụng di động	3	75	15	57	3
TH6124	An toàn bảo mật thông tin	3	75	15	57	3
TH6125	Quản trị hệ thống Webserver và Mailserver	3	75	15	57	3
TH69907	Quản trị mạng	3	75	15	57	3
TH6127	Quản lý dự án công nghệ thông tin	2	45	15	28	2
TN6000	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn sau)	4	105	15	86	4
TH6128	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự	4	105	15	86	4
TH6129	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng	4	105	15	86	4
Tổng cộng		102	2475	607	1668	95

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội / Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa: Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun: Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên

chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,0 trở lên.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.
- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:
 - + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1
 - + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2
 - + Điểm trung bình kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ *2)]/3
 - + Thi kết thúc môn học
 - + Điểm TB cuối môn = (trung bình kiểm tra * 0.4) + (Điểm thi kết thúc môn học * 0.6)

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
0,0 – 3,9	F	0,0

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ: Thực hiện Chương II (Điều 19 – 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện

chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2020

TM. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGƯỜI BIÊN SOẠN/TM. TỔ BIÊN SOẠN

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG